

Bản án số: 169/2024/HC-PT

Ngày 20/5/2024.

***V/v khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán:

ông Lê Văn Thường

ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 63/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 848/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1964.

Trú tại: khu phố P, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Chí C1 - Phó Chủ tịch UBND thị xã H, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền số 30/GUQ-UBND ngày 17/11/2023). Vắng mặt.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Minh V - Phó Chủ tịch Hội đồng giải phóng mặt bằng, Phó Giám đốc Ban Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 02/7/2023). Có đơn đề

nghe xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Thu P1 - sinh năm 1966;

Trú tại: khu phố P, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định. Có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Văn C2;

3.3. Bà Nguyễn Thị H1;

3.4. Bà Nguyễn Thị Ph;

3.5. Ông Nguyễn Trọng V1;

3.6. Ông Nguyễn C - sinh năm 1932;

3.7. Bà Nguyễn Vũ Trà M - sinh năm: 1989;

3.8. Ông Nguyễn Nhật D - sinh năm 1993;

3.9. Bà Nguyễn Thị A1;

3.10. Ông Nguyễn Ngọc T1;

3.11. Ông Nguyễn Ngọc T2;

3.12. Bà Nguyễn Thị Ch;

3.13. Cháu Nguyễn Thị Mỹ T3 - sinh năm 2011.

Cùng cư trú tại: khu phố P, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định. Ông C2, bà H1, bà Ph, ông V1, ông C, bà M, ông D, bà A1, ông T1, ông T2, bà Ch và cháu T3 đều vắng mặt.

3.14. Ông Nguyễn Văn T4; trú tại: số 34 đường H2, thị trấn P2, huyện X, Bà Rịa Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.15. Bà Nguyễn Thị Thanh T5 - sinh năm 1978; trú tại: số 42/2 đường N, phường L1, thành phố Q. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L, người có quyền lợi liên quan bà Võ Thị Thu P1, ông Nguyễn C và người đại diện theo ủy quyền của ông L và bà P1 là ông Trần Đình K1 trình bày:*

Từ trước năm 1975, cha mẹ ông L là ông Nguyễn C và bà Phan Thị T5 có tạo lập và sinh sống ổn định trên thửa đất số 551, tờ bản đồ số 26, diện tích 488m² tại thôn P, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định. Vì vợ chồng ông sống với cha mẹ từ nhỏ nên năm 1993 cha mẹ ông có thống nhất cho vợ chồng ông một khoảnh đất trống với diện tích khoảng 200m² để xây dựng nhà ở và công trình phụ kiên cố trên đất. Từ đó đến nay vợ chồng ông sử dụng ổn định liên tục, không có tranh chấp, khiếu nại phù hợp với quy hoạch và có nộp thuế nhà đất cho Nhà nước theo quy định. Quá trình sinh sống thì thửa đất của vợ chồng ông và cha ông vẫn nhập chung một thửa và được UBND huyện H (nay là Thị xã H) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 01444 QSDĐ/A15 vào ngày 21/10/1996 cho hộ ông Nguyễn C thuộc thửa đất số 551, tờ bản đồ số 26, diện tích 488m² (trong đó

200m² đất ở và 288m² đất vườn) tọa lạc tại thôn P, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định. Năm 2009, cha ông chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất với diện tích 137m² cho bà Nguyễn Thị Ph (trong đó 100m² đất ở và 37m² đất vườn) theo Hợp đồng số 1753/HĐCN/2009. Thửa đất bà Ph được tách riêng thành thửa số 511, tờ bản đồ số 26. Năm 2012, hộ gia đình ông được cấp đổi mới lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 469845, số vào sổ cấp GCN CH01543 do UBND huyện H cấp vào ngày 27/02/2012 thành thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66, diện tích 507,5m² (trong đó đất ở đô thị 100m² và đất trồng cây lâu năm 407,5m²) tọa lạc tại thôn P, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định. Hiện thửa đất của gia đình ông bị ảnh hưởng dự án Hạ tầng kỹ thuật khu hành chính - dịch vụ, dân cư tuyến đường B1, thị trấn B, huyện H. Tuy nhiên, bảng tính phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật khu hành chính - dịch vụ, dân cư tuyến đường B1, thị trấn B, huyện H là không phù hợp, việc thu hồi toàn bộ diện tích nhà và đất của gia đình ông mà không ban hành Quyết định thu hồi hay xem xét đến việc bồi thường giá trị đất và cấp đất tái định cư đối với phần diện tích xây dựng nhà ở của vợ chồng ông nằm chung thửa đất với hộ ông Nguyễn C là trái quy định pháp luật. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông, ông L có đơn khiếu nại gửi đến Cơ quan có thẩm quyền, sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông L, về phía Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H có Công văn số 1526/HĐGPMB ngày 09/08/2022 về việc trả lời đơn ông Nguyễn Văn L là không có cơ sở để giải quyết. Sau đó ông tiếp tục nhận được Thông báo số 516/TB-HĐGPMB ngày 16/03/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H và bảng tính phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật khu hành chính - dịch vụ, dân cư tuyến đường B1, thị trấn B, huyện H (giai đoạn 2) là không phù hợp, bởi:

1. Đối với việc bồi thường vật kiến trúc và nhà ở đối với ông là quá thấp, không đủ cho ông xây dựng đúng theo giá trị mà căn nhà ông đang ở.

2. Tổng diện tích đất thu hồi là 507,5m², trong đó phần diện tích nhà ông xây dựng khoảng 200m² nhưng chỉ bồi thường cho hộ ông Nguyễn C, mà không xem xét đến phần diện tích đất xây dựng nhà ở của ông L.

3. Việc ra bảng tính phương án thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn C, nhưng không xem xét đến việc hộ ông Nguyễn Văn L đã có nhà ở ổn định nằm trong thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66, diện tích 507,5m² được UBND huyện H (nay là thị xã H) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 27/02/2012.

Xét thấy việc thu hồi đất của gia đình ông mà không bồi thường thỏa đáng và không cấp đất tái định cư cho gia đình ông là trái quy định pháp luật.

Nay, ông L yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Công văn số 1526/HĐGPMB ngày 09/08/2022 của Ban Quản lý dự

án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H;

- Yêu cầu áp dụng theo đơn giá thị trường để bồi thường nhà ở đối với gia đình ông, việc bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất quá thấp, không đủ chi phí để ông xây dựng một căn nhà mới;

- Yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất mà gia đình ông bị thu hồi (khoảng 200m²) và cấp cho gia đình ông 01 lô đất tái định cư theo đúng diện tích đất bị thu hồi. Vì hộ gia đình ông có 06 nhân khẩu sống chung hộ, việc cấp đúng diện tích đất mà gia đình ông bị thu hồi nhằm đảm bảo cuộc sống cho gia đình ông có chỗ ở ổn định.

** Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định do ông Nguyễn Chí C1 đại diện trình bày:

Thửa đất ông Nguyễn Văn L có yêu cầu thể hiện tại thửa đất số 551, tờ bản đồ số 26 (bản đồ năm 1996), diện tích 488m² (200m² đất ở và 288m² đất vườn), được UBND thị trấn (nay là phường) B (xét cân đối giao quyền, UBND huyện H (nay là thị xã) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có số vào sổ cấp GCN 01444/A15) ngày 21/10/1996 cho hộ ông Nguyễn C (cha ông Nguyễn Văn L). Năm 2009, hộ ông Nguyễn C lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích 137m² (100m² đất ở, 37m² đất vườn) thuộc một phần thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị Ph, được chỉnh lý biến động ngày 20/10/2009.

Thực hiện chủ trương cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tiêu chuẩn quốc gia VN-2000. Ngày 10/01/2012, ông Nguyễn C có đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27/02/2012, UBND huyện H (nay là thị xã) cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có số vào sổ cấp GCN CH01543) tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 (bản đồ VN-2000) diện tích 507,5m² (100m² đất ở, 407,5m² đất trồng cây lâu năm) cho hộ ông Nguyễn C.

Thửa đất trên bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu hành chính - dịch vụ và dân cư tuyến đường B1, thị trấn B. Ngày 24/9/2018, UBND thị xã H ban hành Thông báo số 446/TB-UBND về việc thu hồi thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 (bản đồ VN-2000) của hộ ông Nguyễn C. Diện tích đo đạc thực tế là 510,0m² (tăng 2,5m²), việc chênh lệch diện tích giữa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế sử dụng, được UBND phường B xác nhận là do sai số đo đạc.

Ngày 04/3/2019, Hội đồng giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND phường B, hộ ông Nguyễn C, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn T6 tiến hành kiểm kê đất đai, nhà cửa, công trình và tài sản trên đất bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng. Trên thửa đất số 20, ngoài tài sản của hộ ông Nguyễn C còn có nhà cửa, tài sản riêng của ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn T6 (là con của ông Nguyễn C). Trên cơ sở đó, Hội đồng GPMB lập Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn C, ông Nguyễn Văn L, ông

Nguyễn Văn T6. Không thống nhất với Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ngày 14/7/2022, ông L có đơn yêu cầu xem xét lại Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 09/8/2022, Hội đồng GPMB đề đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu hành chính - dịch vụ và dân cư tuyến đường B1, thị trấn B có Công văn số 1526/HĐGPMB trả lời đơn của ông Nguyễn Văn L, có nội dung: việc thu hồi 100m² đất ở của hộ ông Nguyễn C được bố trí 01 lô tái định cư. Diện tích bố trí tái định cư tương ứng với diện tích thu hồi đất ở. Đối với cặp vợ chồng phát sinh trong hộ ông Nguyễn C là hộ ông Nguyễn Văn L và hộ ông Nguyễn Văn T6 thì được xem xét bố trí 01 lô tái định cư và thu tiền sử dụng đất theo giá đất ở thị trường, theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H, tỉnh Bình Định do ông Trần Minh V đại diện trình bày:

+ Đối với yêu cầu hủy Văn bản số 1526/HĐGPMB ngày 09/8/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H: việc tính toán, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Văn L đã được thực hiện đúng theo quy định hiện hành. Đồng thời, việc Hội đồng GPMB ban hành Văn bản trả lời nói trên là đúng thẩm quyền theo quy định. Do đó, ông Nguyễn Văn L yêu cầu hủy Văn bản nói trên là không đúng, không có cơ sở để chấp thuận.

+ Đối với yêu cầu áp dụng theo đơn giá thị trường để bồi thường nhà ở đối với gia đình ông Nguyễn Văn L: việc bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất quá thấp không đủ chi phí để xây dựng một căn nhà mới. Theo hồ sơ kiểm kê nhà cửa, công trình vật kiến trúc của ông Nguyễn Văn L được xây dựng trên đất ông Nguyễn C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định: “Điều 23. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất. 1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường theo đơn giá do UBND tỉnh ban hành.”. Tại thời điểm công khai Phương án và trả lời Đơn yêu cầu của ông L (ngày 09/8/2022), Hội đồng GPMB đã áp dụng đơn giá để lập phương án bồi thường theo đúng quy định tại Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã trên địa bàn tỉnh Bình Định. Do đó, yêu cầu của ông L áp dụng theo đơn giá thị trường để tính bồi thường nhà ở là không có cơ sở xem xét giải quyết. Đến nay, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 về đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2023. Căn cứ quy

định chuyển tiếp tại Điều 2 Quyết định 21, Hội đồng GPMB sẽ điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá mới.

+ Đối với yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất mà gia đình ông Nguyễn Văn L bị thu hồi (200m²): theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp ngày 21/10/1996, hộ ông Nguyễn C được Nhà nước cân đối giao quyền thửa đất số 551, tờ bản đồ số 26 (bản đồ năm 1996), diện tích 488m² (200m² đất ở và 288m² đất vườn), nay thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 (bản đồ VN-2000), với diện tích 507,5m² (100m² đất ở và 407,5m² đất vườn). Toàn bộ nhà cửa, tài sản khác của ông Nguyễn Văn L bị ảnh hưởng được xây dựng trên thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 (bản đồ VN-2000) của hộ ông Nguyễn C. Căn cứ quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai ngày 29/11/2013: “16. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất”. Tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai ngày 29/11/2013: “Điều 75. Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. 1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”. Và tại khoản 5 Điều 7 Luật Đất đai ngày 29/11/2013: “Điều 7. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất.....5. Chủ hộ gia đình đối với việc sử dụng đất của hộ gia đình”. Do đó, việc Hội đồng GPMB lập hồ sơ bồi thường đối với thửa đất số 551, tờ bản đồ số 26 (bản đồ năm 1996), nay thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 (bản đồ VN-2000) cho hộ ông C là đúng theo quy định hiện hành. Yêu cầu của ông L bồi thường cho ông diện tích đất bị thu hồi (khoảng 200m²) là không có cơ sở giải quyết.

+ Yêu cầu cấp cho gia đình ông L 01 lô đất tái định cư theo đúng diện tích bị thu hồi. Vì hộ gia đình ông L có 06 nhân khẩu sống chung hộ, việc cấp đúng diện tích đất mà gia đình ông L bị thu hồi nhằm bảo đảm cuộc sống cho gia đình ông L có chỗ ở ổn định như bao hộ dân khác tại địa phương; theo quy định tại

khoản 2 Điều 42 của Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của tỉnh: “2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng thực tế cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn cứ vào quỹ đất ở tái định cư còn thừa sau khi đã bố trí tái định cư xong để xem xét thống nhất, trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giao thêm 01 lô đất tái định cư và thu tiền sử dụng đất theo giá đất ở thị trường”. Theo xác nhận của địa phương và thực tế tại thời điểm kiểm kê, ông L cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi của ông C. Do đó, ông L đủ điều kiện được giao 01 (một) lô đất ở tái định cư tại khu hành chính - dịch vụ và dân cư tuyến đường B1, thị trấn B, tiền sử dụng đất ông (bà) phải nộp theo giá đất thị trường theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị A1 trình bày: nguyên thửa đất số 551, tờ bản đồ số 26, diện tích 488m² tại thôn P đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn C vào ngày 21/10/1996. Cha mẹ bà ở từ năm 1995 đến nay đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường tái định cư cho cha bà theo quy định pháp luật. Còn việc ông Nguyễn Văn L khởi kiện vụ án hành chính đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H bà không biết và cũng không tham gia. Yêu cầu tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn C2, bà Nguyễn Thị Thanh T5 trình bày: ông Nguyễn Văn C2 và bà Nguyễn Thị Thanh T5 nhận thấy không liên quan gì đến vụ kiện của ông Nguyễn Văn L nên không có ý kiến gì và không tham gia tố tụng.

- Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Trọng V1, chị Nguyễn Thị Trà M, anh Nguyễn Nhật D, anh Nguyễn Ngọc T1, anh Nguyễn Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ch, cháu Nguyễn Thị Mỹ T3, ông Nguyễn Văn T4 trình bày: Tòa án triệu tập nhiều lần và cũng đã làm thủ tục niêm yết tại địa chỉ và chính quyền địa phương nhưng những người này không đến Tòa án làm việc, nộp bản khai và cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 29, Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158 khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định

chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011,; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy công văn số 1526/HĐGPMB ngày 09/8/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H; yêu cầu áp dụng đơn giá thị trường để bồi thường nhà ở đối với gia đình ông Nguyễn Văn L, việc bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất quá thấp không đủ chi phí để xây dựng một căn nhà mới; yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất mà gia đình ông Nguyễn Văn L bị thu hồi (khoảng 200m²) và cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn L 01 lô đất tái định cư theo đúng diện tích đất bị thu hồi. Vì hộ gia đình ông Nguyễn Văn L có 06 nhân khẩu sống chung hộ, việc cấp đúng diện tích đất mà gia đình ông Nguyễn Văn L bị thu hồi nhằm bảo đảm cuộc sống cho gia đình ông Nguyễn Văn L có chỗ ở ổn định như bao hộ dân khác tại địa phương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2014, ông Trần Đình K1 là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu P1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu P1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà và ông Nguyễn Văn L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu P1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L, người bị kiện UBND thị xã H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn C2, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Trọng V1, ông Nguyễn C, bà Nguyễn Vũ Trà M, ông Nguyễn Nhật D, bà Nguyễn Thị A1,

ông Nguyễn Ngọc T1, ông Nguyễn Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Ch, cháu Nguyễn Thị Mỹ T3 đều vắng mặt; người bị kiện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[1.2] Cũng tại phiên toà phúc thẩm, bà Võ Thị Thu P1 trình bày bà và ông Nguyễn Văn L không uỷ quyền cho ông Trần Đình K1 tham gia tố tụng và cũng không yêu cầu Luật sư Bùi Văn Phi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng bà. Ông Nguyễn Văn L bị bệnh nên vắng mặt, bà P1 đề nghị Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L.

[1.3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng nêu trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính để tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu P1 với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Thửa đất số 551, tờ bản đồ số 26, diện tích 488m² (trong đó: 200m² đất ở và 288m² đất vườn) được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/10/1996 cho hộ ông Nguyễn C (là cha của ông Nguyễn Văn L). Năm 2009, ông Nguyễn C lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 137m² (trong đó: 100m² đất ở và 37m² đất vườn) thuộc một phần thửa đất nói trên cho bà Nguyễn Thị Ph. Ngày 10/01/2012, ông C có đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 27/02/2012, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 (bản đồ VN-2000), diện tích 507,5m² (trong đó: 100m² đất ở và 407,5m² đất trồng cây lâu năm) cho hộ ông C.

[2.2] Thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu hành chính - dịch vụ và dân cư tuyến đường B1, thị trấn B, thửa đất nói trên bị thu hồi và được UBND thị xã H ban hành Thông báo số 446/TB-UBND về việc thu hồi thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 của hộ ông C. Tại các Biên bản kiểm kê tổng hợp đất đai, nhà cửa, công trình và tài sản trên đất bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng ngày 04/3/2019 thì thể hiện trên thửa đất số 20, ngoài tài sản của ông C còn có nhà cửa, tài sản của ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn T6. Vì vậy, Hội đồng giải phóng mặt bằng lập phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông C, ông L, ông T6. Không đồng ý với phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ngày 14/7/2022, ông L có đơn yêu cầu xem xét lại. Trường hợp của ông L, bà P1 thì tại Công văn số 1526/HĐGPMB ngày 09/8/2022, Hội đồng giải phóng mặt bằng UBND thị xã H đã nêu rõ: “theo hồ sơ quản lý đất đai và thông tin chủ sử dụng đất thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số

20, tờ bản đồ số 66 thì đối tượng bị thu hồi đất và được bồi thường, hỗ trợ về đất là hộ ông Nguyễn C. Do đó, Hội đồng giải phóng mặt bằng lập hồ sơ bồi thường đối với thửa đất số 551, tờ bản đồ số 26 (bản đồ năm 1996), nay thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 (bản đồ VN-2000) cho hộ ông C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện H (nay là UBND thị xã H) cấp cho hộ ông Nguyễn C theo đúng quy định. Đối với nhà cửa, công trình, vật kiến trúc của ông L (xây dựng trên đất ông C), Hội đồng GPMB đã áp dụng để lập phương án bồi thường đúng theo đơn giá quy định tại Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định. Về đất tái định cư:... ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị Thu P1 cùng chung sống trên 01 thửa đất ở thu hồi của ông Nguyễn C nên đủ điều kiện được giao 01 lô đất ở tái định cư tại Khu Hành chính - dịch vụ và dân cư tuyến đường B1, thị trấn B, tiền sử dụng đất ông, bà phải nộp theo giá đất thị trường”. Như vậy, việc Hội đồng giải phóng mặt bằng ban hành Công văn số 1526/HĐGPMB ngày 09/8/2022 là đúng quy định của pháp luật nên ông L yêu cầu huỷ Công văn này là không thể chấp nhận.

[2.3] Tại thời điểm bị ảnh hưởng thu hồi đất bởi dự án, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Nguyễn C nên toàn bộ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đều được tính toán cho hộ ông C, gồm: bồi thường về đất theo Giấy chứng nhận đã cấp và bồi thường về tài sản có trên đất của ông C (bao gồm cả ông C, ông L và ông T6). Theo quy định của Luật Đất đai và khoản 1 Điều 23 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định thì tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại được bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Việc ông L yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất mà gia đình ông bị thu hồi (khoảng 200m²) và áp dụng đơn giá thị trường để bồi thường nhà ở là không có căn cứ. Trên thửa đất số 20, tờ bản đồ số 66 có 03 hộ gia đình chung sống, đã tách hộ và xây dựng nhà riêng, trong đó có gia đình ông L nên đủ điều kiện được giao thêm 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất theo giá đất ở thị trường, là đúng quy định tại khoản 2 Điều 42 của Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định. Ông L yêu cầu cấp cho gia đình ông 01 lô đất tái định cư theo đúng diện tích đất bị thu hồi là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu P1; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu P1, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Áp dụng Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011, Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy công văn số 1526/HĐGPMB ngày 09/8/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã H;

- Yêu cầu áp dụng đơn giá thị trường để bồi thường nhà ở đối với gia đình ông Nguyễn Văn L, việc bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất quá thấp không đủ chi phí để xây dựng một căn nhà mới;

- Yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất mà gia đình ông Nguyễn Văn L bị thu hồi (khoảng 200m²) và cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn L 01 lô đất tái định cư theo đúng diện tích đất bị thu hồi.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị Thu P1 phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001894 ngày 30/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên